SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI LONG AN
Trường Trung cấp Kinh Tế - Kỹ Thuật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ 4B

Học kỳ: I **Năm học: 2020-2021** **Môn học/Mô đun: GDQP-AN**

Số giờ lý thuyết: 21 **Tín chỉ lý thuyết: 1** ……

Số giờ thực hành: 23 **Tín chỉ thực hành: 1** ……

Tổng số tín chỉ: 2

Tổng số giờ: 45 **Họ và tên giáo viên: Cù ngọc Minh**

Số TT	Họ và tên	Điểm kiểm tra thường xuyên *(Hệ số 1)*		Điểm kiểm tra định kỳ *(Hệ số 2)*			TBKT *(hệ số 0.4)*	Điểm thi KT MH/MĐ *(hệ số 0.6)*		Điểm Môn học/Mô đun		Ghi chú
								L1	L2	L1	L2	
1	Võ Thành Đạt	5,0			4,5	6,0	5,2	5,0		5,1		
2	Lại Nguyễn Hoàng Huy	5,0			4,5	6,0	5,2	7,0		6,3		
3	Phạm Huỳnh Đăng Khoa	7,5			6,0	6,0	6,3	6,0		6,1		
4	Nguyễn Tuấn Kiệt	7,0			6,0	5,0	5,8	7,0		6,5		
5	Võ Anh Kiệt	7,0			6,0	7,0	6,6	6,0		6,2		
6	Hồ Ngọc Long	6,0			5,0	6,0	5,6	6,0		5,8		
7	Nguyễn Hữu Nghĩa	7,0			6,0	7,5	6,8	6,0		6,3		
8	Huỳnh Thanh Phong	5,0			7,0	6,0	6,2	6,0		6,1		
9	Lê Huỳnh Thanh Phúc	7,0			7,0	7,5	7,2	7,0		7,1		
10	Lê Quốc Phúc	8,0			8,0	7,5	7,8	8,0		7,9		
11	Nguyễn Hoàng Phúc	7,0			5,0	6,5	6,0	6,5		6,3		
12	Bùi Nguyên Phúc	6,0			6,5	5,0	5,8	7,0		6,5		

Số TT	Họ và tên	Điểm kiểm tra thường xuyên *(Hệ số 1)*		Điểm kiểm tra định kỳ *(Hệ số 2)*			TBKT *(hệ số 0.4)*	Điểm thi KT MH/MĐ *(hệ số 0.6)*		Điểm Môn học/Mô đun		Ghi chú
								L1	L2	L1	L2	
13	Lê Thanh Phước	6,0			7,0	6,0	6,4	7,0		6,8		
14	Phạm Hoài Thu	7,0			6,5	7,0	6,8	7,0		6,9		
15	Hồ Minh Tiến	6,0			7,0	8,0	7,2	7,0		7,1		
16	Trừ Anh Tuấn	7,0			5,0	6,0	5,8	7,0		6,5		
17	Đinh Mạnh Tuyên	7,0			7,5	5,0	6,4	7,0		6,8		

Phòng đào tạo

Ngày 07 tháng 04 năm 2021

Giáo viên bộ môn

Cù Ngọc Minh

0